

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST
Ngày 16-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tiến

Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

Trương Thành Q1(Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 08/6/1978 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: 39 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình H, sinh năm 1945 và bà Trần Thị V, sinh năm: 1953; vợ Phan Thị T3, sinh năm: 1978, có 02 con: lớn sinh năm 2000 và con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Lê Minh H1 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 13/6/1965 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: K122A/8 T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T4, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1947; vợ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966, có 02 con: lớn sinh năm 1994 và con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trịnh Xuân L, sinh năm: 1956 và bà Trần Thị Kim T1, sinh năm: 1961. Cùng địa chỉ: 32 H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, ông L có mặt, bà T1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Trịnh Thị Bích T2, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Tổ 11 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Trịnh Xuân H2, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ 11 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 5/2014, thông qua ông Nguyễn Minh Đ, Trương Thành Q1 biết ông Trịnh Xuân L có nhu cầu xin việc cho con ruột tên là Trịnh Xuân H2 nên Q1 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Q1 đưa ra thông tin gian dối và tự giới thiệu với ông L tên giả là Trương Minh Q2, có người quen làm ở cấp Vụ của Bộ Thông tin và truyền thông, có khả năng xin việc cho con của ông L vào làm việc tại Công ty cổ phần Viettel – Chi nhánh Đà Nẵng với giá là 200.000.000 đồng, đã nhiều lần chiếm đoạt của ông Trịnh Xuân L với tổng số tiền 152.536.000đ (*một trăm năm mươi hai triệu, năm trăm ba mươi sáu triệu đồng*) với mục đích tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần 01: Ngày 05/6/2014, tại quán bún trên đường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông Trịnh Xuân L và vợ là bà Trần Thị Kim T1 đưa cho Trương Thành Q1 50.000.000 đồng và Q1 có viết giấy nhận tiền.

Lần 02: Ngày 13/6/2014, tại quán cà phê trên đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông Trịnh Xuân L đưa cho Trương Thành Q1 1.000 (*một nghìn*) USD, Q1 có viết giấy giao nhận tiền.

Tại Công văn số 438/ĐAN-TH&KSND của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định tỷ giá của Đồng Việt Nam (VNĐ) so với Đô la Mỹ (USD) áp dụng cho ngày 13/6/2014 là 01 USD = 21.036 VNĐ. Như vậy: 1.000 USD = 21.036.000đ (*hai mươi một triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Lần 03: Ngày 14/6/2014, tại nhà hàng T, đường X, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông Trịnh Xuân L đưa cho Trương Thành Q1 số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Lần 04: Ngày 15/6/2014, tại nhà hàng M, quận S, thành phố Đà Nẵng, để tạo niềm tin, Trương Thành Q1 dẫn theo một số bạn bè quen biết ngoài xã hội (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đến ăn nhậu và giới thiệu với ông Trịnh Xuân L là đồng nghiệp làm ở phòng kế hoạch tổng hợp Công ty Cổ phần Viettel, ông L tin tưởng và đưa cho Trương Thành Q1 số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Lần 05: Ngày 16/6/2014, tại nhà hàng T, đường X, quận H, thành phố Đà Nẵng, để tạo thêm niềm tin, Trương Thành Q1 gọi điện cho Lê Minh H1 đến để ăn nhậu, khi H1 đến thì Q1 giới thiệu Lê Minh H1 với ông L tên giả là Lê Minh H4, hiện đang làm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Viettel, ông Trịnh Xuân L tin tưởng và đưa cho Trương Thành Q1 số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Lần 06: Ngày 21/6/2014, tại quán cà phê A, số 102 N, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông Trịnh Xuân L đưa cho Trương Thành Q1 số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

Lần 07: Ngày 28/6/2014, tại một quán cà phê khu vực ngã tư Q - N, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông Trịnh Xuân L đưa cho Trương Thành Q1 số tiền 6.500.000đ (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với Lê Minh H1: Khi H1 gặp ông L tại nhà hàng T, đường X, quận H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 16/4/2014, H1 không biết việc Trương Thành Q1 giới thiệu H1 tên là Lê Minh H4 - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Viettel với mục đích là tạo niềm tin, để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông L, H1 nghĩ mình được giới thiệu như vậy chỉ để cho oai, nhưng sau khi thấy ông L tin tưởng và đề cập đến vấn đề xin việc cho con và xin số điện thoại, số tài khoản của H1. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên H1 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông L. H1 tiếp tục lấy tên giả là Lê Minh H4 và đưa ra thông tin gian dối là hiện đang ở Phố H, thành phố Hà Nội, có con đi du học ở nước ngoài và có khả năng xin việc cho con của ông L. H1 đã nhiều lần chiếm đoạt của ông L với tổng số tiền là 114.000.000đ (*một trăm mười bốn triệu đồng*). Cụ thể:

Lần 01: Ngày 21/6/2014, ông L nhờ bà Trịnh Thị Bích T2 (là con ruột của ông L), chuyển tiền vào số tài khoản 2000206299946 mang tên Lê Minh H1, mở tại ngân hàng Agribank số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

Lần 02: Ngày 25/6/2014, ông L tiếp tục chuyển vào số tài khoản: 2000206299946 mang tên Lê Minh H1, mở tại ngân hàng Agribank số tiền 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*).

Lần 03: Tháng 7/2014, tại quán Cafe V trên đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông L đưa cho Lê Minh H1 số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Lần 04: Tháng 8/2014, tại đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông L đưa cho Lê Minh H1 số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Đến ngày 22/8/2014, ông L đến Ngân hàng Đ, Chi nhánh tại Đà Nẵng để nộp tiền qua tài khoản cho Trương Thành Q1 thì biết Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông Trịnh Xuân L đến yêu cầu Trương Thành Q1 viết giấy nhận tiền. Sau nhiều lần yêu cầu Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 trả lại tiền nhưng Q1 và H1 không trả, nên ông Trịnh Xuân L có đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vật chứng thu giữ từ ông Trịnh Xuân L:

- 01 (một) đĩa CDR, hiệu Maxell, màu vàng, chứa tên file “Q2 nhận 153 triệu”, thời lượng 06 phút 21 giây.
- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Agribank ghi ngày 21/6/2014.
- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Agribank ghi ngày 25/6/2014.
- 03 (ba) giấy nhận tiền ghi tên Trịnh Xuân L và Trương Minh Q2.
- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Đ.

Theo Kết luận giám định số 34/GĐ-AT ngày 10/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Đĩa CD màu vàng, nhãn hiệu Maxell, ghi dung lượng 700MB, không có niêm phong do ông Trịnh Xuân L cung cấp, Kí hiệu A thấy lưu 01 file dữ liệu “Q2 nhận 153 triệu.wma” có dung lượng 1.48MB và thời lượng 06 phút 21 giây được giám định và ghi thành văn bản có nội dung: Q2 thừa nhận đã nhận số tiền 153.000.000 đồng để lo xin việc cho con của ông L. Hoàn trả lại nguyên vẹn toàn bộ đối tượng gửi giám định.

Theo Kết luận giám định số 7064/C09-P6 ngày 17/02/2020 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Tiếng nói của người đàn ông tự xưng là “em” và được gọi là “Q2” trong tập tin âm thanh cần giám định và tiếng nói của Trương Thành Q1 trong mẫu so sánh là của cùng một người. Hoàn lại đối tượng giám định: Toàn bộ mẫu vật gửi giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Theo Kết luận giám định số 38/GĐ-TL ngày 30/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

+ Chữ viết mang tên “Trương Minh Q2” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 và chữ viết có nội dung “Trương Minh Q2” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết của Trương Thành Q1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết cần giám định trên tài liệu kí hiệu A3 (Trừ chữ viết có nội dung “Trương Minh Q2”) so với chữ viết của Trương Thành Q1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một người viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trương Minh Q2 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký của Trương Thành Q1 trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Hoàn trả lại nguyên vẹn toàn bộ đối tượng gửi giám định.

Quá trình điều tra, Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 16/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thành Q1 từ 36 đến 42 tháng tù.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh H1 từ 30 đến 36 tháng tù.

Xử lý tang vật: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự quy xử các tang vật trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Q1 bồi thường cho người bị hại số tiền 152.536.000 đồng.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Trương Thành Q1 thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Lê Minh H1 thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại ông Trịnh Xuân L trình bày: Ông xác định lời khai của các bị cáo là đúng. Ông L không biết giữa bị cáo Q1 và H1 có bàn bạc trao đổi với nhau hay không về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông, vợ chồng ông chỉ gặp Q1 cùng với H1 một lần tại nhà hàng T. Tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu bị cáo Q1 phải bồi thường cho vợ chồng ông số tiền là 152.536.000 đồng. Ông đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo H1 và Q1.

Bị cáo Trương Thành Q1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về khắc phục hậu quả.

Bị cáo Lê Minh H1 nói lời nói sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình. Bị cáo gửi lời xin lỗi đến gia đình người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Trong thời gian từ ngày 05/6/2014 đến tháng 8/2014, tại địa bàn quận H và quận S, thành phố Đà Nẵng, Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 đã có thủ đoạn gian dối, bằng hình thức đưa thông tin giả sẽ xin việc được cho Trịnh Xuân H2 là con trai ông Trịnh Xuân L và bà Trần Thị Kim T1. Trương Thành Q1 đã 07 lần chiếm đoạt tài sản của ông Trịnh Xuân L và bà Trần Thị Kim T1 với tổng số tiền 152.536.000 đồng. Lê Minh H1 đã 04 lần chiếm đoạt của ông Trịnh Xuân L và bà Trần Thị Kim T1 với tổng số tiền 114.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra vào năm 2014, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng cho người phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hành vi nêu trên của các bị cáo Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy: Các bị cáo Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 là người có đủ nhận thức về hành vi của mình nhưng do không có công việc ổn định, không có tiền tiêu xài, lợi dụng lòng tin, sự nhẹ dạ cả tin và nhu cầu xin việc làm cho con trai của ông Trịnh Xuân L nên Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối có khả năng xin việc làm cho con ông L để chiếm đoạt tài sản.

Khi Q1 có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông L thì H1 hoàn toàn không biết gì. Khi Q1 giới thiệu với vợ chồng ông L H1 tên giả là Lê Minh H4 Phó Giám đốc Công ty cổ phần Viettel thì Q1 không trao đổi gì với H1 và H1 cũng chưa biết mục đích của Q1, giữa H1 và Q1 không có bàn bạc gì. H1 chỉ gặp vợ chồng ông L cùng với Q1 01 lần tại nhà hàng T, trong quá trình nói chuyện với vợ chồng ông L thì H1 mới biết Q1 đưa ra thông tin gian dối để xin việc làm cho con ông L nhưng H1 cũng không biết thời điểm này Q1 đã chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông L hay chưa. Sau khi biết thông tin vợ chồng ông L

có nhu cầu xin việc cho con, kết hợp việc Q1 đưa ra thông tin gian dối về H1 thì H1 đã lợi dụng thông tin gian dối này để chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông L. Khi H lừa dối để chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông L thì Q1 không biết gì. Do đó H1 và Q1 không đồng phạm với nhau.

Trương Thành Q1 dùng nhiều thủ đoạn gian dối lấy tên giả là Trương Minh Q2, đưa ra thông tin có người nhà làm cấp Vụ, giới thiệu Lê Minh H1 tên giả là Lê Minh H4 là Phó Giám đốc Công ty cổ phần Viettel và dẫn theo nhiều người khác cùng đi ăn, đưa ra thông tin những người này làm trong Công ty cổ phần Viettel để người bị hại tin tưởng giao tiền cho Q1. Trương Thành Q1 đã 07 lần chiếm đoạt tài sản, tổng số tiền Q1 chiếm đoạt là 152.536.000 đồng, mỗi lần chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi chiếm đoạt tài sản thì bị cáo Q1 chưa bồi thường gì cho người bị hại. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Thành Q1 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q1 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Lê Minh H1 khi gặp vợ chồng ông L được Q1 giới thiệu H1 với tên giả là Lê Minh H4, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Viettel thì H1 không phản đối mà còn hòa theo. Sau khi biết ông L có nhu cầu xin việc cho con trai thì H1 đã có thủ đoạn gian dối, lấy tên giả là Lê Minh H4, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Viettel để chiếm đoạt tài sản của ông L, Lê Minh H1 04 lần chiếm đoạt của ông Trịnh Xuân L và bà Trần Thị Kim T1 với tổng số tiền là 114.000.000 đồng, mỗi lần chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Hành vi của bị cáo Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật. Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần phải xử phạt bị cáo Trương Thành Q1 với mức án nghiêm khắc hơn Lê Minh H1.

[4] Đối với Nguyễn Minh Đ là người giới thiệu Trương Thành Q1 gặp ông Trịnh Xuân L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng ông Đ đã chết năm 2016, nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu không xử lý là có cơ sở.

Đối với một số đối tượng đi cùng với Trương Thành Q1, giúp Q1 tạo niềm tin với ông L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Lê Minh H1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại 100.000.000 đồng. Người bị hại đã nhận lại số tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với Trương Thành Q1 chưa bồi thường cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 152.536.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay người bị hại yêu cầu Trương Thành Q1 phải bồi thường lại số tiền này do đó HĐXX buộc Trương Thành Q1 phải bồi thường cho ông Trịnh Xuân L và bà Trần Thị Kim T1 số tiền 152.536.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) đĩa CDR, hiệu Maxell, màu vàng, chứa tên file “Q2 nhận 153 triệu”, thời lượng 06 phút 21 giây.

- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Agribank ghi ngày 21/6/2014.

- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Agribank ghi ngày 25/6/2014.

- 03 (ba) giấy nhận tiền ghi tên Trịnh Xuân L và Trương Minh Q2.

- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Đ.

Các vật chứng này thu giữ của ông Trịnh Xuân L, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quy trữ các vật chứng này trong hồ sơ vụ án.

Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, HĐXX chấp nhận. Riêng đối với mức hình phạt của bị cáo Trương Thành Q1 là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên HĐXX sẽ xem xét khi lượng hình.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thành Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.626.800 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Trương Thành Q1 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Minh H1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 07/5/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Quy trữ trong hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

- 01 (một) đĩa CDR, hiệu Maxell, màu vàng, chứa tên file “Q2 nhận 153 triệu”, thời lượng 06 phút 21 giây.

- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Agribank ghi ngày 21/6/2014.

- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Agribank ghi ngày 25/6/2014.

- 03 (ba) giấy nhận tiền ghi tên Trịnh Xuân L và Trương Minh Q2.

- 01 (một) biên nhận nộp tiền tại ngân hàng Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Xử: Buộc Trương Thành Q1 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trịnh Xuân L và bà Trần Thị Kim T1 số tiền 152.536.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Trương Thành Q1 và Lê Minh H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trương Thành Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.626.800 đồng.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo